

Bản án số: 452/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 18-7-2017

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Phơ

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Hòa Bình

2. Bà Hồ Phước Hạnh

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đoàn Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Yến Hòa - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 7 năm 2017 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận X xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2017/TLST-HNGĐ ngày 13/02/2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2017/QĐXX-ST ngày 02 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2017/QĐST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1969; địa chỉ: 33/88, Đường số 1, Tổ 21, Khu phố B, phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Lê Khắc L, sinh năm 1981; địa chỉ: 33/88, Đường số 1, Tổ 21, Khu phố B, phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 20/01/2017; các bản tự khai; biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 29/3/2017 nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:*

Bà T và ông L tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2008, nhưng cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, ông L sống không có trách nhiệm chăm lo cho vợ con và phụ giúp về kinh tế gia đình. Vợ chồng mâu thuẫn kéo dài đến nay không còn tình cảm nữa, sống ly đã hơn hai năm, nên bà yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: được ly hôn với ông L

Về con chung: có một con chung là Lê Trần N. D (Nữ), sinh ngày 22/11/2008, yêu cầu được nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu ông L cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

*Tại các bản tự khai; biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 29/3/2017 bị đơn ông Lê Khắc L trình bày:*

Vợ chồng chung sống không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trong thời gian tám năm chung sống, nhưng vẫn sống chung nhà vì con.

Về quan hệ hôn nhân: bà T yêu cầu ly hôn, ông đồng ý.

Về con chung: là Lê Trần N. D (Nữ), sinh ngày 22/11/2008, yêu cầu được nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

*Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận X về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Tòa án thực hiện đúng về thời hạn chuẩn bị xét xử. Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn thực hiện đúng các quy định theo quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn với bị đơn đang cư trú tại Quận X thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân Quận X đã tổng đạt hợp lệ Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông Lê Khắc L vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L theo điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Trần Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Lê Khắc L tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2008, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, cả hai xác định tình cảm không còn, vợ chồng sống ly thân đã hơn hai năm, bà T yêu cầu ly hôn, ông L đồng ý ly, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về con chung: Bà Trần Thị T và ông Lê Khắc L có một con chung là Lê Trần N. D (Nữ), sinh ngày 22/11/2008. Cả ông L và bà T đều yêu cầu được nuôi con sau khi ly hôn. Bà T yêu cầu nuôi con thì không yêu cầu ông L cấp dưỡng. Ông L yêu cầu nuôi con và yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng. Tòa án đã ra Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ yêu cầu bà T, ông L cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh đủ điều kiện trực tiếp nuôi con hơn sau khi ly hôn, nhưng cả hai bên đương sự không cung cấp chứng cứ chứng minh, nên Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét. Xét, bà T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy trẻ Lê Trần N. D từ khi sinh ra cho tới nay, hiện trẻ đang sống chung với ông L và bà T, nhưng sau khi ly hôn ông L là người phải dọn ra ở riêng và chưa xác định được ông L ở đâu. Trẻ Lê Trần N. D là con gái, đã quen với việc chăm sóc của mẹ từ nhỏ cho đến nay, ngoài ra, tại bản tự khai ngày 22/3/2017 trẻ Lê Trần N. D có nguyện vọng sống với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy giao con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng và đảm bảo được quyền lợi của trẻ. Bà T tự nguyện không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

[3] Về án phí: Nguyên đơn có nghĩa vụ chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Lê Khắc L (Giấy chứng nhận kết hôn số 102, Quyển số 01/2008 ngày 24/10/2008 tại Ủy ban nhân dân phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh)

2. Về con chung: Bà Trần Thị T và ông Lê Khắc L có một con chung là Lê Trần N. D (Nữ), sinh ngày 22/11/2008.

Giao trẻ Lê Trần N. D cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn, ông L không cấp dưỡng nuôi con.

Ông L có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: không có.

4. Về nợ chung: không có.

5. Án phí sơ thẩm: bà Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2012/07471 ngày 13/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: bà Trần Thị T và ông Lê Khắc L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM ;
- VKSND Quận X;
- Chi cục THA DS Quận X;
- Đương sự;
- Lưu, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**